

Bản án số: 20 /2020/HNGĐ – ST

Ngày 03 tháng 12 năm 2020.

“ V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁT XÁT, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Duy Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Phạm Thị Hòa;

2. Bà: Hoa Thị Vân;

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Minh Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lý Láo T.(có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Lò San M.(có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 19/10/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Lý Láo T trình bày:

Anh và chị Lò San M về chung sống với nhau như vợ chồng và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2001, không đăng ký kết hôn. Sau khi về ở với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M thường đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm con xong lại đi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không khắc phục được, thực tế đã sống ly thân từ năm 2016, không

quan tâm đến nhau. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh có nguyện vọng được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M sinh được ba con chung, cháu thứ nhất tên là Lý Tả M, sinh ngày 17/7/2002; cháu thứ hai tên là Lý San M, sinh ngày 04/11/2008; cháu thứ ba tên là Lý Láo T, sinh ngày 13/12/2010. Hiện tại cháu Lý Tả M đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết, còn lại 02 cháu anh có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong thời gian chung sống vợ chồng không nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2020 chị Lò San M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị công nhận chị và anh Lý Láo T về ở với nhau từ năm 2001 không đăng ký kết hôn. Sau khi về ở với nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như anh Tả trình bày, năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân, nay anh T có đơn ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng sinh được ba con chung đúng như anh Tả đã khai, hiện tại cháu Lý Tả M đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết, còn lại 02 cháu chị nhất trí để anh nuôi, vì chị hay đi làm ăn xa nhà, không có điều kiện chăm sóc.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như ở trên.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bát Xát có quan điểm: Thẩm phán, hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị giải quyết không công nhận anh Lý Láo T và chị Lò San M là vợ chồng. Về con chung công nhận sự thỏa thuận của anh Tả và chị M, anh T nuôi dưỡng cả hai cháu, chị M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Lò San M có địa chỉ tại huyện B, tỉnh Lào Cai. Như vậy Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên Tòa hôm nay anh Lý Láo T và chị Lò San M đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lý Láo T và chị Lò San M.

[2] Anh Lý Láo T và chị Lò San M về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 qui định “nam nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Từ sau ngày 01/01/2003 đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định: “Việc kết hôn không được đăng ký theo qui định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Như vậy hôn nhân giữa chị Mây và anh Tả không có giá trị pháp lý, không được pháp luật bảo vệ, nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị M xin ly hôn. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh Lý Láo T và chị Lò San M là vợ chồng.

[3] Về con: Anh và chị M sinh được ba con chung, cháu thứ nhất tên là Lý Tả Mây, sinh ngày 17/7/2002; cháu thứ hai tên là Lý San M, sinh ngày 04/11/2008; cháu thứ ba tên là Lý Láo T, sinh ngày 13/12/2010. Hiện tại cháu Lý Tả M đã trưởng thành, anh không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết, còn lại 02 cháu anh có nguyện vọng nuôi cả hai cháu, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy tại các bản tự khai, biên bản hòa giải chị M đều thừa nhận hay đi làm ăn xa nhà, không có điều kiện nuôi con, bản thân anh Tả là lao động tự do thu nhập bình quân 150.000 đồng đến 200.000 đồng/ ngày, tại các biên bản hỏi ý kiến của 02 cháu đều muốn ở với anh Tả, tại biên bản hòa giải ngày 03/11/2020 anh Lý Láo T và chị Lò San M đã thỏa thuận về việc nuôi con, anh Tả nuôi dưỡng cả hai cháu, anh Tả không yêu cầu chị Mây cấp dưỡng tiền nuôi con chung, sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về con cho anh chị.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Anh Lý Láo T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Lý Láo T và chị Lò San M là vợ chồng.

2. Về con: Công nhận sự thỏa thuận của anh Lý Láo T và chị Lò San M như sau:

Anh Lý Láo T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý San Mây, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2008 và cháu Lý Láo T, sinh ngày 13 tháng 12 năm 2010 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Lý Láo T và chị Lò San M tạm thời anh Lý Láo T không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Lò San M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về Án phí: Anh Lý Láo T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo biên lai số AB/2012/0003477 ngày 19 tháng 10 năm 2020. Anh Lý Láo T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND H. Bát Xát;
- Đương sự (2);
- THA DS;
- Lưu TA, VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Duy Chiến

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Duy Chiến

